

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Ông Võ Hoàng Phi Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17
– Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 2002, căn cước công dân số 070302011251 cấp ngày 23/08/2021; địa chỉ: I đường H, tổ B, khu phố P, phường P, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lâm Tiến Đ, sinh năm 2001, căn cước công dân số 074201001938 cấp ngày 27/04/2021; địa chỉ: số A, tổ C, khu phố F, phường V, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông Lâm Tiến Đ đăng ký kết hôn ngày 02/12/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã gây tổn thương nghiêm trọng đến

tình cảm và sự gắn kết của vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống với chồng và gia đình chồng. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Lâm Thiên H, sinh ngày 10/02/2021. Do cháu H đang sống cùng với bà M nên khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lâm Tiến Đ: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Tiến Đ và yêu cầu giao quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lâm Tiến Đ sinh sống tại phường V, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào

các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà **Nguyễn Thị Huỳnh M** và ông **Lâm Tiến Đ** chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 02/12/2021. Theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Bà **Nguyễn Thị Huỳnh M** xác định đời sống hôn nhân giữa bà và ông **Lâm Tiến Đ** không còn hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả nên bà **M** yêu cầu được ly hôn với ông **Đ**.

Quá trình giải quyết vụ án, ông **Đ** không đến Tòa án cho thấy ông không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà **M** kiên quyết xin ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà **M** và ông **Đ** là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà **M** yêu cầu ly hôn với ông **Đ** là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc nuôi dưỡng con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là **Lâm Thiên H**, sinh ngày 10/02/2021. Xét con chung hiện đang do bà **M** nuôi dưỡng, ông **Đ** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên giao con chung cho bà **M** nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: bà **M** không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn bà **M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn Cứ Các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Huỳnh M** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông **Lâm Tiến Đ** như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà **Nguyễn Thị Huỳnh M** được ly hôn với ông **Lâm Tiến Đ**.

Về việc nuôi con chung: giao con chung tên **Lâm Thiên H**, sinh ngày 10/02/2021 cho bà **Nguyễn Thị Huỳnh M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **Lâm Tiến Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà **Nguyễn Thị Huỳnh M** và ông **Lâm Tiến Đ** đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Huỳnh M** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022965 ngày 13/4/2026 của Thi Hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự (2);
- Ủy ban nhân dân phường Tân Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ, 8.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền